TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 56/2023/DS-ST Ngày 21 - 4 - 2023 V/v:"Yêu cầu chia thừa kế tài sản và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về "Yêu cầu chia thừa kế tài sản" và thụ lý yêu cầu độc lập số 15/2022/TLST-DS ngày 24-11-2022 về "Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-DS ngày 30-3-2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1966, địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1956 và bà Ngô Thị Ng, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định; là người có yêu cầu độc lập.

2. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1960; địa chỉ: TDP 13, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng;

3. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn ĐH, xã TH, thị xã PhM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4. Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn MB, xã NN, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng;

5. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 3, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định;

6. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm TS, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định;

7. Họ Phạm tộc chi 1; địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph, bà Phạm Thị T*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Ng:* Ông Phạm Văn V, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của họ Phạm tộc chi 1*: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 1, xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: ông H, ông V, ông S, bà V, bà Ph, bà T, ông Ch, ông Phạm Văn S có đơn xin vắng mặt; bà Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph, bà Phạm Thị T ông Phạm Văn H trình bày:*

Cụ Phạm Văn T, sinh năm 1935 (chết năm 2004) và cụ Vũ Thị Tr, sinh năm 1937 (chết năm 2010). Hai cụ có 8 người con gồm: Ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Q, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph và bà Phạm Thị T.

Khi còn sống hai cụ tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT có diện tích 575m^2 đứng tên hộ ông Phạm Văn T (đất ở 200m^2, đất vườn 255m^2, đất ao 125m^2). Ngày 15/01/1997 cụ T và cụ Tr được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phạm Văn T (trong giấy chứng nhận có thêm 35m^2 đất xây dựng cơ bản của từ đường họ Phạm tộc chi 1 chung thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT).

Năm 2000 cụ T cụ Tr có nguyện vọng hiến đất xây dựng từ đường họ phạm chi 1, đất mặt đường là 6m (mặt tiền), chiều dài hết thổ; tuy nhiên trên thực tế từ đường họ phạm chỉ xây dựng mặt tiền giáp đường là 4,8m đo đạc thực tế có diện tích 35m^2, phần sân phía trước 26m^2.

Năm 2007 cụ Tr chuyển nhượng cho ông V, bà Ng 2m mặt đường chiều dài hết thổ với giá 24.000.000đ, sau khi cụ T chết, lúc đó cụ Tr đau yếu cần tiền để chi tiêu và chữa bệnh nên đã viết giấy chuyển nhượng cho ông Phạm Văn V 2.0m mặt đường, chiều dài hết thổ đất nhưng chưa làm thủ tục sang tên (giấy viết tay, có anh em làm chứng). Đến nay cụ T và cụ Tr đã chết nhưng không để lại di chúc định đoạt đối với thửa đất nêu trên. Ngày 20/4/2022 các con của cụ T và cụ Tr đã họp gia đình để phân chia thửa đất của bố mẹ để lại. Tuy nhiên do anh em không thống nhất được nên đã không tự thỏa thuận phân chia được.

Vì vậy ông Phạm Văn H khởi kiện đến Tòa đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Công nhận cho từ đường họ phạm tộc chi 1 xã HT được quyền sử dụng diện tích đất 134m^{2}đất (S3) (cạnh phía Đông giáp đường dài 6,0m, cạnh phía Tây giáp đất ông V dài 6,0m; cạnh phía Bắc giáp phần đất (S2) dài 22,3m; cạnh phía Nam giáp phần đất (S4) dài 23,6m) tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T;

Công nhận cho ông Phạm Văn V, bà Ngô Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất 52m^2 đất có vị trí ở phía Nam thổ đất của hộ cụ T (cạnh phía Đông giáp đường dài 2,0m, cạnh phía Tây giáp đất ông V dài 2,0 m; cạnh phía Bắc giáp phần đất (S5) dài 25,7m; cạnh phía Nam giáp phần đất ông V dài 26,1m) tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T;

Chia thừa kế tài sản của cụ Phạm Văn T và cụ Vũ Thị Tr để lại theo quy định của pháp luật là 424m^2 tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T.

Về nhận kỷ phần thừa kế ông H xin nhận bằng hiện vật và xin nhận kỷ phần mà các đồng thừa kế khác tặng cho ông bằng hiện vật theo quy định pháp luật. Về phần đất ông H và các ông bà Phạm Văn H, Phạm Văn Ch, Phạm Thị Ph và Phạm Thị T được chia: Vì ông H, ông Ch, bà Ph, bà T đều có ý tặng cho ông H toàn bộ phần đất được chia nên để đất chia cho ông H được liền thửa, tiện cho việc sử dụng cũng như kê khai, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ, ông H đề nghị phần đất phía Nam từ đường sau khi trừ đi phần đất công nhận cho ông V 52m^2 (có chiều rộng 2,0m) nhận chuyển nhượng của cụ Tr và phần đất ông V được chia cũng như phần đất hiến tặng cho Từ đường chưa sử dụng; phần còn lại đề nghị Tòa án chia cho ông H, nếu diện tích vượt quá phần ông H và các ông H, ông Ch, bà Ph và bà T được chia thì ông H sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho ông V, bà V và bà Q, nếu thiếu ông H xin nhận vậy và không yêu cầu ai phải thanh toán tiền chênh lệch cho ông H. Do ông Ch, ông H, bà Ph và bà T tặng kỷ phần của mình được hưởng cho ông H nên ông H nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm thay cho ông H, ông Ch, bà Ph, bà T.

Về phần đất còn lại phía Bắc từ đường ông H đề nghị chia đều cho bà Phạm Thị V và bà Phạm Thị Q. Bà V có tâm nguyện và cũng đã có văn bản ý kiến sau khi được chia đất của bố mẹ để lại, sẽ hiến tặng cho từ đường. Bà V cũng đã ủy quyền cho ông H. Vì vậy ông H đề nghị Tòa chia đất cho bà V giáp với Từ đường để tiện cho việc bà V tặng đất cho Từ đường.

** Tại bản tự khai ngày 10-10-2022; đơn yêu cầu độc lập ngày 21-12-2022; bản tự khai ngày 25-11-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Phạm Văn V, bà Ngô Thị Ng trình bày ý kiến:*

Công nhận lời khai của ông H về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ T, cụ Tr để lại là đúng. Nay ông H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T, cụ Tr để lại theo luật, và công nhận quyền sử dụng đất cho từ đường họ Phạm tộc chi 1 xã HT và công nhận quyền sử dụng đất cho ông V bà Ng như ông H trình bày ở trên ông V, bà Ng nhất trí. Ông V đề nghị xin nhận di sản thừa kế được chia bằng hiện vật và cạnh phần đất ông đã nhận chuyển nhượng. Ông V xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

*Tại bản tự khai ngày 05-11-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của họ Phạm tộc chi 1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn S trình bày:

Năm 2000, do nhu cầu thờ cúng của Họ chi nên cụ Phạm Văn T là Trưởng nam chi tộc và vợ là cụ Vũ Thị Tr đã hiến tặng thêm diện tích đất ở và cùng các thành viên trong chi họ đứng ra xây dựng từ đường để thờ cúng tổ tiên. Phần diện tích đất xây dựng từ đường này vẫn chung thửa với thửa đất của cụ T, thửa số 64 tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã HT. Vì phần diện tích ban đầu cụ T tiến cúng chỉ đủ để xây dựng từ đường nên mọi việc liên quan đến họ tộc vẫn nhờ nhà cụ T. Năm 2003 cụ T và cụ Tr đã có ý kiến hiến tặng thêm đất cho chi họ để xây dựng và sử dụng cho công việc của từ đường chi họ. Cụ thể cụ T hiến tặng diện tích đất có chiều cạnh là phía Đông giáp đường tây sông Múc dài 6m; phía Tây giáp đất ông V dài 6m; phía Nam và phía Bắc dài hết thổ đất; vị trí phần đất này liền sát, bao quanh với từ đường. Được sự đồng ý của cụ Tr và các con, năm 2008 các thành viên trong chi tộc đã xây dựng thêm phần sân và cổng phía trước từ đường (phía Đông, giáp đường tây sông Múc) còn phía sau từ đường để làm nhà Táo). Nay ông Phạm Văn H là con trai cụ T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ T và cụ Tr để lại. Ý kiến của họ Phạm tộc chi 1 xã HT là: Khi có ý kiến hiến tặng thêm đất, cụ T và cụ Tr chưa làm văn bản hay thủ tục pháp lý gì, khi hai cụ chết cũng không để lại di chúc. Nay nếu các con cụ T vẫn giữ ý kiến hiến tặng đất cho chi tộc như ý kiến của cụ T và cụ Tr trước đây thì chi tộc xin nhận, nếu các con cụ T không nhất trí thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Phạm Thị Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản, được giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Q không nộp, gửi cho Tòa án ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông H và yêu cầu độc lập của ông V, bà Ng; bà Q cũng không tham gia các buổi làm việc mà Tòa án đã tổ chức để giải quyết vụ án chia tài sản thừa kế theo đơn khởi kiện của ông H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị V trình bày ý kiến trong bản tự khai: Công nhận lời khai của ông H về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ T, cụ Tr để lại, là đúng. Nay ông H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T, cụ Tr để lại theo luật, và công nhận quyền sử dụng đất cho từ đường họ Phạm tộc chi 1 xã HT và công nhận quyền sử dụng đất cho ông V bà Ng như ông H trình bày ở trên bà V nhất trí. Bà V đề nghị xin nhận di sản thừa kế được chia theo luật, kỷ phần được hưởng và xin nhận di sản thừa kế của bố mẹ để lại bằng hiện vật là đất cạnh phần đất từ đường. Bà V xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án và ủy quyền cho ông H thay bà giải quyết tại Tòa án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph và bà Phạm Thị T trình bày ý kiến: Nhất trí với ý kiến ông H trình bày ở trên và về yêu cầu chia thừa kế tài sản xin nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng hiện vật là đất và tặng cho lại ông Phạm Văn H.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị V có đơn và ý kiến xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị Q được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Hải Hậu ý kiến:

- Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 116, 500, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H, yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn V, bà Ngô Thị Ng và sự tự nguyện của các đồng thừa kế về việc hiến đất vào việc thờ cúng theo nguyện vọng của cụ T, cụ Tr.

Cộng nhận cho ông Phạm Văn V, bà Ngô Thị Ng được quyền sử dụng 52m^2 đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT đứng tên hộ ông Phạm Văn T, công nhận cho từ đường họ Phạm tộc chi 1 xã HT được quyền sử dụng 99m^2 tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT đứng tên hộ ông Phạm Văn T. Diện tích đất còn lại là 424m^2 chia cho 8 kỷ phần thừa kế. Tuy nhiên do phần đất từ đường nằm gần giữa thổ đất nên đề nghị chia cho bà V, bà Q phía Bắc thổ đất mỗi người được chia là 65m^2. Diện tích đất còn lại 294m^2 ở phía Nam từ đường chia cho 6 kỷ phần còn lại, mỗi kỷ phần 49m^2 theo nguyện vọng của ông H và ông V. Ông H được nhận 5 kỷ phần

là 245m^2. Các công trình xây dựng trên đất đã hết giá trị sử dụng nằm trên phần đất các đồng thừa kế nhất trí hiến cho từ đường cần ghi nhận.

Các vấn đề khác đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn Ch, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Ph, bà Phạm Thị T ủy quyền cho ông Phạm Văn H; người có yêu cầu độc lập bà Ngô Thị Ng ủy quyền cho ông Phạm Văn V; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan họ Phạm Tộc chi 1 ủy quyền cho ông Phạm Văn S. Tại phiên tòa, ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị Q được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông H, ông V, ông S và bà Q theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Phạm Văn T và cụ Vũ Thị Tr theo pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Phạm Văn V, bà Ngô Thị Ng có yêu cầu độc lập, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Hải Hậu.

[3] Xét *yêu cầu công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất xây dựng từ đường họ phạm chi 1 xã HT thì thấy*: Năm 2000, cụ T và các thành viên trong họ Phạm tộc chi 1 cùng xây dựng lại Từ đường trên diện tích đất 35m^2. Do phần đất xây dựng từ đường nhỏ, không đủ để làm sân, cổng và nhà Táo để phục vụ công việc trong Họ phạm tộc chi 1 nên cụ T và cụ Tr có hiến tặng cho họ Phạm tộc chi 1 một phần đất để xây dựng từ đường cụ thể: Chiều rộng là 6m (gồm phía Đông giáp đường Tây sông Múc, phía Tây giáp thổ đất ông V) chiều dài hết thổ đất và bao quanh Từ đường. Việc hiến tặng này chưa làm văn bản theo quy định của pháp luật về "Tặng cho bất động sản", không có diện tích cụ thể, tuy nhiên các con của cụ T, cụ Tr là diện thừa kế đều công nhận (được thể hiện tại bản tự khai, Biên bản họp gia đình phân chia tài sản của bố mẹ); đại diện theo ủy quyền của họ Phạm tộc chi 1 cũng xác nhận có việc cụ T và cụ Tr đã hiến tặng phần diện tích đất như trên, sau khi cụ T chết, năm 2008, được sự đồng ý của cụ Tr và các con là đồng thừa kế của cụ T, cụ Tr nên các thành viên trong chi tộc họ Phạm đã xây dựng thêm phần sân và cổng phía trước Từ đường (phía Đông, giáp đường tây sông Múc) còn phía sau từ đường để làm nhà Táo. Như vậy có đủ căn cứ để công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất của cụ Phạm Văn T và cụ Vũ Thị Tr cho họ

Phạm Tộc chi 1. Theo kết quả đo đạc, xem xét thẩm định ngày 21-10-2022 thì phần diện tích cụ T và cụ Tr có nguyện vọng hiến tặng cho họ Phạm chi 1 có chiều cạnh diện tích cụ thể: Phía Đông giáp đường Tây sông Múc dài 6m, phía Tây giáp thổ đất ông V dài 6m; cạnh phía Bắc dài 22.3m, cạnh phía Nam dài 23.6m (bao quanh từ đường) tổng diện tích (bao gồm 35m^2 đất TIN) là 134m^2. Như vậy, trừ đi phần đất xây dựng từ đường (TIN) thì diện tích đất cụ T và cụ Trọn hiến tặng là 134m^2 - 35m^2 = 99m^2 là sự việc có thật và cần chấp nhận.

[5] *Về yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất giữa cụ Vũ Thị Tr và ông Phạm Văn V, bà Ngô Thị Ng Hội đồng xét xử xét thấy*: Năm 2007, sau khi cụ T chết cụ Tr có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn V và vợ là Ngô Thị Ng 2,0m đất mặt đường chiều dài hết thổ đất với giá 24.000.000đ, đến nay vẫn chưa làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên theo quy định của pháp luật. Tài liệu, chứng cứ do ông V, bà Ng xuất trình gồm 01 giấy sang nhượng cHển quyền sử dụng đất và giấy biên nhận trả tiền thể hiện giữa cụ Tr và ông V, bà Ng có ký hợp đồng chuyển nhượng 2,0m đất mặt đường chiều dài hết thổ đất với giá 12.000.00đ/1m, ông V và bà Ng đã thanh toán trả hết số tiền chuyển nhượng đất cho cụ Tr và cụ Tr cũng đã giao đất cho ông V, bà Ng sử dụng từ năm 2007 cho đến nay. Xét về hình thức giấy viết tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2007 giữa cụ Tr và vợ chồng ông V, bà Ng thì thấy: Việc giao dịch này đã được lập thành văn bản, có đối tượng chuyển nhượng là quyền sử dụng đất nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực nên đã vi phạm hình thức của hợp đồng theo quy định tại Điều 127 Luật Đất đai năm 2003, Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung, đất chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được quyền chuyển nhượng theo quy định tại Điều 106, Điều 113 Luật Đất đai năm 2003. Thực hiện hợp đồng, bên nhận cHển nhượng đã thanh toán xong tiền cho bên chuyển nhượng và đã nhận bàn giao đất quản lý liên tục từ năm 2007 đến nay, nguyên đơn ông Phạm Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V, ông Ch, ông H, bà Ph, Bà T đều công nhận việc cụ Tr có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông V, bà Ng, . Hiện trạng sử dụng đất thì ông V, bà Ng đã sử dụng từ 2007 đến nay không có tranh chấp gì; tại biên bản họp gia đình phân chia tài sản của bố mẹ ngày 20-4-2022 có thể hiện việc ông V, bà Ng nhận chuyển nhượng đất của cụ Tr, cụ T, bị đơn bà Phạm Thị Q cũng đã thống nhất ký tên trong biên bản và quá trình giải quyết vụ án bà Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy tờ liên quan đến việc các đương sự có yêu cầu khởi kiện tại Tòa án nhưng cũng không có ý kiến phản đối gì về việc này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015: "*2. Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực*". Do vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2007 giữa cụ Tr và vợ chồng ông V, bà Ng có cơ sở công nhận hiệu lực của hợp đồng. Theo số

liệu đo đạc của công ty Ân Khánh cung cấp, chiều cạnh thửa đất vợ chồng ông V bà Ng nhận chuyển nhượng là: Cạnh Đông giáp đường Tây sông Múc là 02m, cạnh Tây giáp thổ đất của ông V, bà Ng là 02m, cạnh Nam giáp thổ đất ông V, bà Ng là 26,1m, cạnh Bắc là 25,7m diện tích là 52m^2. Công nhận cho ông Phạm Văn V, bà Ngô Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất là 52m^2 có chiều cạnh như trên tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2, xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

[6] *Về di sản thừa kế:* Căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì cụ Phạm Văn T và cụ Vũ Thị Tr khi còn sống được công nhận quyền sử dụng 575m^2 đất thuộc thửa số 64 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642). Khi còn sống hai cụ đã tặng cho Họ tộc 99m^2; sau khi cụ T chết, cụ Tr đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông V, bà Ng 52m^2 đất trong tổng số 575m^2. Việc tặng quyền sử dụng đất của cụ T và cụ Tr cho Họ tộc và việc chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông V, bà Ng có đủ căn cứ để chấp nhận nên diện tích của cụ T và cụ Tr còn lại để chia thừa kế là 575m^2 - (99m^2 +52m^2) = 424m^2.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 21-10-2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu thì giá trị quyền sử dụng đất của cụ T, cụ Tr có giá là 424m^2 x 13.000.000đ/1m^2 = 5.512.000.000đ (Năm tỉ năm trăm mười hai triệu đồng). Năm 2004, cụ T chết, năm 2010 cụ Tr chết; trước khi chết cụ T và cụ Tr không để lại di chúc, sau khi cụ Tr, cụ T chết, chưa phân chia di sản cho ai, vì vậy, tài sản cụ T và cụ Tr để lại sẽ được chia theo quy định của pháp luật. Do các quy định về việc thừa kế theo pháp luật của Bộ luật dân sự năm 2005 phù hợp với các quy định về thừa kế theo pháp luật của bộ luật dân sự năm 2015 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự, cần áp dụng các quy định về chia thừa kế theo pháp luật của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Các công trình gồm 01 nhà mái ngói, 01 bể nước, 01 sân bê tông, 01 tường rào đã hết giá trị khấu hao; nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đề nghị giải quyết, bị đơn đến nay không có ý kiến đề nghị gì.

[6] *Về diện và hàng thừa kế:* Các đương sự đều thừa nhận cụ T, cụ Tr có 08 người con đẻ là: Ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Q, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph và bà Phạm Thị T. Hai cụ không có con riêng và con nuôi; bố mẹ đẻ của cụ T và cụ Tr đều đã chết trước hai cụ. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Văn T và cụ Vũ Thị Tr gồm: Ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Q, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph và bà Phạm Thị T; phần di sản thừa kế của cụ T và cụ Tr sẽ được chia đều cho 8 suất thừa kế nêu trên.

[7] *Về việc phân chia di sản thừa kế:*

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V, bà V, ông H, ông Ch, bà Ph và bà T đều ý kiến tổng diện tích đất của cụ T, cụ Tr sau khi trừ đi phần đất đã chuyển nhượng

cho ông V và hiến cúng xây dựng Từ đường họ Phạm chi 1 thì số đất còn lại chia cho các đồng thừa kế của cụ T, cụ Tr; bị đơn bà Phạm Thị Q đến nay không có ý kiến gì. Xét thấy đủ căn cứ công nhận việc tặng quyền sử dụng đất của cụ T, cụ Tr cho Họ tộc, cũng như công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Tr và ông V, bà Ng nên quyền sử dụng đất của cụ T và cụ Tr còn lại để chia thừa kế là 424m^2. Do nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có ý kiến nhận bằng hiện vậy là quyền sử dụng đất, bị đơn bà Phạm Thị Q không có ý kiến gì nên diện tích đất sẽ được chia thành 08 kỷ phần cho các đồng thừa kế.

Kết quả xem xét thẩm định ngày 21-10-2022 cũng như sơ đồ hiện trạng thửa đất 64, tờ bản đồ số 2 và các công trình xây dựng trên thửa đất thể hiện hiện nay từ họ Phạm tộc chi 1 xây dựng theo hướng Đông - Tây chia tách thửa số 64 thành 02 phần (phần phía Bắc từ đường và phần phía Nam từ đường). Sau khi công nhận việc tặng cho quyền sử đất của cụ T và cụ Tr cho Họ tộc cũng như công nhận hợp đồng cHển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Tr và ông V, bà Ng thì phần đất phía Bắc từ đường có diện tích là 130m^2; phần đất phía Nam từ đường có diện tích là 294m^2.

Về chia thừa kế theo hiện vật: Xét nguyện vọng của nguyên đơn ông H đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà V, ông H, ông Ch, bà Ph, bà T ý kiến: Phần đất phía nam giáp phần đất ông V nhận chuyển nhượng của bố mẹ nên đề nghị chia cho ông V ở phía Nam, giáp phần đất ông V nhận chuyển nhượng để thuận lợi cho ông V sử dụng cũng như kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Phần đất tiếp giáp đất chia cho ông V và tiếp giáp phần đất từ đường họ Phạm tộc, ông H đề nghị chia cho ông H và các đồng thừa kế khác là ông Phạm Văn H, Phạm Văn Ch, Phạm Thị Ph và Phạm Thị T (vì các đồng thừa kế này đều ý kiến tặng cho ông H kỷ phần được chia) để được liền thửa, tiện cho việc sử dụng cũng như kê khai, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Nếu diện tích phần đất này vượt quá phần ông H và các ông H, ông Ch, bà Ph và bà T được chia thì ông H sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho ông V, bà V và bà Q, nếu thiếu ông H xin nhận vậy và không yêu cầu ai phải thanh toán tiền chênh lệch cho ông H cần ghi nhận sự tự nguyện trên của các đương sự.

Ông Phạm Văn V nhất trí ý kiến ông H.

Về phần đất phía Bắc từ đường ông H đề nghị chia đều cho bà Phạm Thị V và bà Phạm Thị Q. Bà V có tâm nguyện và cũng đã có văn bản ý kiến sau khi được chia đất của bố mẹ để lại, sẽ hiến tặng cho từ đường. Bà V cũng đã ủy quyền cho ông H. Vì vậy ông H đề nghị Tòa chia đất cho bà V giáp với Từ đường để tiện cho việc bà V tặng đất cho Từ đường.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của ông H đưa ra là phù hợp pháp luật và có cơ sở để chấp nhận, việc chia như vậy đảm bảo và thuận lợi cho việc sử dụng cũng như đăng ký quyền sử dụng đất nên việc phân chia theo hiện vật được chia cụ thể như sau:

- Phần đất phía Bắc từ đường có diện tích 130m^2 sẽ chia cho bà V và bà Q mỗi người 65m^2; chia cho bà V phần đất giáp với Từ đường.

- Phần đất phía Nam từ đường có tổng diện tích 294m^2 sẽ chia thành 6 phần bằng nhau; ông V được 01 phần là 294m^2 : 6 = 49m^2; ông H, ông Ch, bà Ph, bà T tặng cho ông H nên ông H được nhận 5 phần bằng 245m^2

[9] *Về án phí:*

Bà Phạm Thị Q được hưởng di sản thừa kế nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm T ứng với giá trị tài sản được chia thừa kế theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị V, bà Ngô Thị Ng là người cao tuổi theo quy định của Chính phủ, có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph, bà Phạm Thị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật, nhưng ông H xin nhận nộp thay theo quy định pháp luật.

Họ Phạm tộc chi 1 phải nộp án phí công nhận hợp đồng tặng cho theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[10] Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn H nhận nộp toàn bộ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản, ông H đã nộp đủ và không yêu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 129, 611, 612, 613, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 184, 185, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 167 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013:

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H, cụ thể:

Công nhận cho từ đường họ Phạm tộc chi 1 xã HT được quyền sử dụng diện tích 134m^2 đất (S3) bao gồm: 35m^2 đất xây dựng TIN và 99m^2 CLN (cạnh phía Đông giáp đường dài 6m, cạnh phía Tây giáp đất ông V dài 6m; cạnh phía Bắc giáp phần đất (S2) dài 22,3m; cạnh phía Nam giáp phần đất (S4) dài 23,6m) tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T.

Công nhận cho ông Phạm Văn V, bà Ngô Thị Ng được quyền sử dụng diện tích 52m^2 đất NTS, phần đất phía Nam hộ cụ T (S6) (cạnh phía Đông giáp đường dài 2m, cạnh phía Tây giáp đất ông V dài 2m; cạnh phía Bắc giáp phần đất (S5) dài 25,7m; cạnh phía Nam giáp phần đất ông V dài 26,1m) tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T.

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Phạm Văn T và cụ Vũ Thị Tr để lại theo quy định của pháp luật là 424m^2 tại thửa số 64 tờ bản đồ số 2 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T.

2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T và cụ Vũ Thị Tr là quyền sử dụng diện tích 424m^2 đất, (trong trong đó 200m^2 ONT; 156m^2 CLN; 68m^2 NTS) tại thửa số 64, tờ bản đồ số 2 xã HT đứng tên hộ ông Phạm Văn T có trị giá 5.512.000.000đ (năm tỉ năm trăm mười hai triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph và bà Phạm Thị T tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Phạm Văn H.

4. Chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của cụ Phạm Văn T và cụ Vũ Thị Tr cho các được sự bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Chia cho bà Phạm Thị Q được quyền sử dụng phần đất (S1) có diện tích 65m^2 đất CLN tờ bản đồ số 2, thửa số 64 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T. (Vị trí, chiều cạnh có sơ đồ vẽ kèm theo);

- Chia cho bà Phạm Thị V được quyền sử dụng phần đất (S2) có diện tích 65m^2 đất CLN tờ bản đồ số 2, thửa số 64 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T. (Vị trí, chiều cạnh có sơ đồ vẽ kèm theo);

- Chia cho ông Phạm Văn H được quyền sử dụng phần đất (S4) có diện tích 245m^2 đất (trong đó có 200 ONT; 26m^2 CLN; 19m^2 đất NTS); tại tờ bản đồ số 2, thửa số 64 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T; và tài sản trên đất gồm 01 bể nước và 01 sân bê tông (đã hết giá trị khấu hao). (Vị trí, chiều cạnh có sơ đồ vẽ kèm theo);

- Chia cho Ông Phạm Văn V được quyền sử dụng phần đất (S5) có diện tích 49m^2 đất NTS tại tờ bản đồ số 2, thửa số 64 xã HT, đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 01 năm 1997 (Số sổ L-224642) đứng tên hộ ông Phạm Văn T. (Vị trí, chiều cạnh có sơ đồ vẽ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ng là người cao tuổi theo quy định của Chính phủ, có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị Ph, bà Phạm Thị T do điều kiện kinh tế khó khăn, có đơn xin miễn, giảm nộp tiền án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú nên được giảm 50% mức án phí phải nộp. Ông Phạm Văn H xin nhận nộp thay phần án phí của ông Ch, bà Ph, bà T. Do đó ông H phải nộp 44.220.000đ (Bốn mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của bà T, ông Ch, bà Ph.

Họ Phạm tộc chi 1 phải nộp án phí 300.000đ tiền án phí công nhận quyền sử dụng đất được tặng cho theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Bà Phạm Thị Q phải nộp 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu T trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng